|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÁI BÌNH** | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 THPT****NĂM HỌC 2021 - 2022**Môn: **ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.* |
|

**Câu 1.** Tự nhiên nước ta phân hóa đa dạng thành các vùng khác nhau giữa miền Bắc và miền Nam, giữa miền núi và đồng bằng, ven biển, hải đảo là do

**A.** tiếp giáp với vùng biển rộng lớn và địa hình phân bậc rõ nét.

**B.** vị trí nằm trong vùng nhiệt đới ở nửa cầu Bắc.

**C.** lãnh thổ kéo dài theo chiều kinh tuyến.

**D.** vị trí địa lí và hình thể nước ta.

**Câu 2:** Phát biểu nào sau đây chứng tỏ cấu trúc địa chất - địa hình của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ khá phức tạp?

**A.** Gồm các khối núi cổ, các bề mặt sơn nguyên bóc mòn, cao nguyên badan, đồng bằng châu thổ sông, đồng bằng ven biển.

**B.** Gồm núi cao, núi trung bình, núi thấp, sơn nguyên và cao nguyên đá vôi, thung lũng hẹp, nhiều vách núi dựng đứng.

**C.** Đồi núi thấp với độ cao trung bình 600m chiếm ưu thế, nhiều địa hình đá vôi, địa hình bờ  biển có nhiều vịnh, đảo, quần đảo.

**D.** Hệ thống núi non trùng điệp, địa hình núi cao, núi trung bình chiếm ưu thế, đồng bằng nhỏ hẹp bị chia cắt.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của sông ngòi Duyên hải miền Trung nước ta?

**A.** Chế độ nước thất thường.                        **B.** Chế độ nước phân hóa theo mùa.

**C.** Sông ngắn và dốc.                                **D.** Lũ lên nhanh và kéo dài.

**Câu 4:** Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm ở nước ta là

**A.** rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

**B.** rừng gió mùa nửa rụng lá, rừng thưa khô rụng lá.

**C.** rừng gió mùa thường xanh, rừng ngập mặn thường xanh.

**D.** rừng ngập mặn thường xanh ven biển, rừng gió mùa.

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây **không**đúng với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta?

**A.** Đường bờ biển Nam Trung Bộ bằng phẳng.

**B.** Thềm lục địa phía bắc và phía nam có đáy nông mở rộng.

**C.** Vùng biển lớn gấp khoảng 3 lần diện tích đất liền.

**D.** Thềm lục địa miền Trung thu hẹp tiếp giáp với vùng biển sâu.

**Câu 6:** Vào các tháng X - XII, lũ quét thường xảy ra ở

**A.** suốt dải miền Trung.                         **B.** thượng nguồn sông Đà.

**C.** lưu vực sông Cửu Long.                        **D.** vùng đồi núi Đông Bắc.

**Câu 7:** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn?

**A.** Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và lượng mưa lớn.

**B.** Lượng mưa lớn trên đồi núi dốc và ít lớp phủ thực vật.

**C.** Mưa lớn và nguồn nước từ ngoài lãnh thổ chảy vào.

**D.** Thảm thực vật có độ che phủ cao và lượng mưa lớn.

**Câu 8.** Đai nhiệt đới gió mùa chiếm diện tích chủ yếu trong 3 đai cao ở nước ta do

**A.** địa hình núi cao chỉ chiếm 1% diện tích cả nước.

**B.** đồng bằng và đồi núi thấp chiểm 85%.

**C.** địa hình ¾ là đồi núi.

**D.** đồng bằng chỉ chiếm ¼ diện tích.

**Câu 9.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây dẫn đến sự phân hóa lượng mưa theo không gian ở nước ta?

**A.** Sự phân hóa theo độ cao địa hình và sông ngòi.

**B.** Tác động của hướng các dãy núi và thực vật.

**C.** Tác động mạnh mẽ của gió mùa và dòng biển.

**D.** Tác động kết hợp của gió mùa và địa hình.

**Câu 10**: Phát biểu nào sau đây đúng với sông ngòi nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa?

**A.** Lưu lượng nước lớn và hàm lượng phù sa cao.

**B.** Chủ yếu bắt nguồn từ bên ngoài lãnh thổ.

**C.** Chảy theo hướng tây bắc - đông nam và đổ ra biển Đông.

**D.** Chiều dài tương đối ngắn và diện tích lưu vực nhỏ.

**Câu 11:** Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc là do hoạt động của

**A.** gió mùa Tây Nam và Tín phong.                **B.** gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc.

**C.** Tín phong và dải hội tụ nhiệt đới.                **D.** gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 12.** Sự phân hóa đa dạng của địa hình nước ta là kết quả tác động

**A.** con người, vận động kiến tạo trong điều kiện lượng mưa lớn quanh năm.

**B.** giữa nội lực, ngoại lực trong điều kiện thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

**C.** vận động nâng lên hạ xuống, ảnh hưởng của lượng mưa và con người.

**D.** của nội lực, con người, biển Đông và lượng mưa lớn diễn ra trong năm.

**Câu 13.** Do nằm trong khu vực nội chí tuyến nên Biển Đông có

**A.** nhiều bão và áp thấp nhiệt đới, nhiệt độ nước biển cao và độ muối khá lớn.

**B.** khí hậu xích đạo, nhiệt độ cao, ẩm dồi dào, gió hoạt động theo mùa.

**C.** khí hậu nhiệt đới, mưa theo mùa, sinh vật biển đa dạng, phong phú.

**D.** dải hội tụ, bão, áp thấp nhiệt đới, dòng hải lưu, nhiều vùng ngập mặn.

**Câu 14.** Biện pháp hiệu quả nhất để giảm thiểu thiệt hại do lũ quét gây ra ở nước ta là

**A.** cải tạo môi trường.                                     **B.** chống cháy rừng.

**C.** phát triển thủy lợi.                                 **D.** quy hoạch dân cư.

**Câu 15:** Vị trí địa lí và hình thể của nước ta đã tạo nên

**A.** khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh.        **B.** địa hình có tính phân bậc rõ rệt.

**C.** tài nguyên khoáng sản phong phú.                **D.** sự phân hóa đa dạng của tự nhiên.

**Câu 16.** Hệ sinh thái rừng nào sau đây **không** thuộc đai nhiệt đới gió mùa ở nước ta?

**A.** Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

**B.** Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.

**C.** Hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới phát triển trên đất feralit.

**D.** Hệ sinh thái rừng nhiệt đới thường xanh trên đá vôi.

**Câu 17:** Nguyên nhân chủ yếu làm xuất hiện đất mùn thô ở đai ôn đới gió mùa trên núi nước ta là do

**A.** sinh vật ít.                                            **B.** địa hình dốc.

**C.** độ ẩm tăng.                                         **D.** nhiệt độ thấp.

**Câu 18:** Gió Tây khô nóng ở Trung Bộ và nam Tây Bắc nước ta có nguồn gốc từ khối khí

**A.** chí tuyến Thái Bình Dương.                **B.** chí tuyến bán cầu Bắc.

**C.** Bắc Ấn Độ Dương.                                **D.** chí tuyến bán cầu Nam.

**Câu 19:** Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh mẽ ở vùng đồi núi nước ta là

**A.** đồi núi chiếm phần lớn diện tích.                **B.** địa hình có tính phân bậc rõ rệt.

**C.** bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu.                **D.** có nhiều loại đất khác nhau.

**Câu 20:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sinh vật ở miền Bắc nước ta?

**A.** Ở vùng đồng bằng trồng được rau ôn đới.

**B.** Không có thành phần loài cận nhiệt đới và ôn đới.

**C.** Có các loài thú lông dày như: gấu, chồn,…

**D.** Thành phần loài thực vật nhiệt đới chiếm ưu thế.

**Câu 21:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vùng nội thủy của nước ta?

**A.** Vùng nội thủy được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền.

**B.** Quy định đường cơ sở ven bờ biển để tính chiều rộng lãnh hải nước ta.

**C.** Là vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.

**D.** Được tính từ mép nước thủy triều thấp nhất đến đường cơ sở.

**Câu 22:** Sự phân hóa thiên nhiên theo đai cao ở nước ta chịu ảnh hưởng chủ yếu của nhân tố nào sau đây?

**A.** Sinh vật.                **B.** Khí hậu.                **C.** Con người                **D.** Đất đai.

**Câu 23:** Quá trình feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta do nguyên nhân nào sau đây?

**A.** Địa hình chủ yếu là đồng bằng.                **B.** Có khí hậu nhiệt đới ẩm, nhiều đồi núi thấp.

**C.** Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.                **D.** Trong năm có hai mùa mưa và khô rõ rệt.

**Câu 24:** Khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương làm cho đồng bằng Nam Bộ nước ta có

**A.** mùa khô sâu sắc, kéo dài.                        **B.** mưa nhiều vào thu đông.

**C.** mưa lớn vào đầu mùa hạ.                        **D.** mưa lớn vào cuối mùa hạ.

**Câu 25:** Thiên tai nào ở nước ta mà việc phòng chống phải luôn kết hợp chống lụt, úng ở đồng bằng và chống lũ, chống xói mòn ở miền núi?

**A.** Bão.                **B.** Hạn hán.                 **C.** Sương muối.        **D.** Lốc xoáy.

**Câu 26:** Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc là

**A.** đồi núi thấp chiếm ưu thế.                                 **B.** thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

**C.** các dãy núi có hướng vòng cung.                **D.** các dãy núi có hướng tây bắc - đông nam.

**Câu 27:** Mùa đông ở vùng núi Đông Bắc đến sớm và kết thúc muộn hơn các vùng khác chủ yếu là do

**A.** phần lớn diện tích vùng là địa hình đồi núi thấp.

**B.** nhiều đỉnh núi cao giáp biên giới Việt - Trung.

**C.** các dãy núi có hướng vòng cung, đón gió mùa mùa đông.

**D.** địa hình có hướng nghiêng từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

**Câu 28:** Tính chất khép kín của biển Đông đã làm cho

**A.** biển Đông ít bị thiên tai, khí hậu khá ổn định.

**B.** nhiệt độ cao và chịu ảnh hưởng của gió mùa.

**C.** hải lưu chảy theo vòng tròn và đổi hướng theo mùa.

**D.** trong năm thủy triều biến động theo hai mùa lũ cạn.

**Câu 29.** Đặc điểm cơ bản của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

**A.** khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

**B.** đồi núi thấp chiếm ưu thế với các dãy núi lớn hướng vòng cung.

**C.** địa hình cao, các dãy núi xen kẽ thung lũng sông hướng tây bắc - đông nam.

**D.** gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất nước ta.

**Câu 30.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về tình trạng ô nhiễm môi trường của nước ta hiện nay?

**A.** Môi trường nước, đất, không khí đang bị ô nhiễm nghiêm trọng.

**B.** Ô nhiễm môi trường tập trung ở các đô thị lớn và vùng cửa sông.

**C.** Nhiều nơi, nồng độ chất gây ô nhiễm đã vượt tiêu chuẩn cho phép.

**D.** Môi trường nước ta bị ô nhiễm chủ yếu do các yếu tố tự nhiên đem lại.

**Câu 31.** Nước ta có gió Tín phong hoạt động do vị trí địa lí

**A.** tiếp giáp với biển Đông.                        **B.** nằm ở bán cầu Bắc.

**C.** nằm trong vùng nội chí tuyến.                **D.** nằm trong khu vực châu Á gió mùa.

**Câu 32:**Đất mùn ở nước ta được hình thành ở độ cao

**A.** trên 1600 - 1700 m.                        **B.** dưới 1600 - 1700 m.

**C.** từ 1000 đến 1500 m.                        **D.** từ 2600 đến 3143 m.

**Câu 33.**Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông - Tây ở vùng đồi núi nước ta chủ yếu là do tác động của

**A.** gió mùa cùng với hướng các dãy núi.        **B.** độ cao cùng với hướng các dãy núi.

**C.** Tín phong cùng với hướng các dãy núi.         **D.** biển cùng với hướng các dãy núi.

**Câu 34.** Khoảng cách giữa hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh tại các địa phương nước ta có đặc điểm

**A.** giảm dần từ miền Bắc vào miền Trung.        **B.** giảm dần từ miền Bắc vào miền Nam.

**C.** tăng dần từ miền Bắc vào miền Nam.        **D.** tăng dần từ miền Nam ra miền Bắc.

**Câu 35.** Lượng nước thiếu hụt vào mùa khô ở miền Bắc không nhiều như miền Nam là do

**A.** mạng lưới sông ngòi dày đặc.                **B.** được sự điều tiết hợp lí của các hồ nước.

**C.** nguồn nước ngầm phong phú.                **D.** có hiện tượng mưa phùn vào cuối mùa đông.

**Câu 36:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

**A.** Có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn đông - tây.

**B.** Khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao.

**C.** Các cao nguyên khá bằng phẳng với độ cao trung bình trên 1500m.

**D.** Đỉnh Ngọc Linh là đỉnh núi cao nhất của vùng.

**Câu 37:** Điều kiện thuận lợi nhất cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là có nhiều

**A.** bãi triều, đầm phá, các cánh rừng ngập mặn.

**B.** sông suối, kênh rạch, ô trũng ở đồng bằng.

**C.** cửa sông rộng và các mặt nước ở đồng ruộng.

**D.** đầm phá, các ô trũng ở đồng bằng và ao hồ.

**Câu 38:** Thành phần kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của nước ta do

**A.** quản lí các ngành và lĩnh vực then chốt.

**B.** chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP.

**C.** tạo nhiều việc làm mới cho người lao động.

**D.** có tốc độ tăng trưởng GDP nhanh nhất.

**Câu 39:** Để tăng sản lượng thủy sản khai thác, vấn đề cần ưu tiên hàng đầu là

**A.** đẩy mạnh tìm kiếm các ngư trường đánh bắt mới.

**B.** phổ biến kinh nghiệm và kiến thức cho ngư dân.

**C.** đầu tư phương tiện hiện đại để đánh bắt xa bờ.

**D.** phát triển mạnh công nghiệp chế biến thủy sản.

**Câu 40:** Nguyên nhân chính làm cho ngành chăn nuôi của nước ta phát triển là

**A.** nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng.        **B.** cơ sở thức ăn ngày càng được đảm bảo.

**C.** dịch vụ cho chăn nuôi có nhiều tiến bộ.        **D.** ngành công nghiệp chế biến phát triển.

**Câu 41:**Việc hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế.            **B.** Phát triển kinh tế và giải quyết việc làm.

**C.** Hội nhập quốc tế và giải quyết việc làm.         **D.** Nâng cao đời sống và bảo vệ môi trường.

**Câu 42:** Vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước ta là

**A.** tăng trưởng kinh tế nhanh.                        **B.** thúc đẩy quá trình đô thị hóa.

**C.** thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.        **D.** tăng lao động có chuyên môn kỹ thuật cao.

**Câu 43.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta hiện nay?

**A.** Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.

**B.** Hình thành các khu công nghiệp tập trung.

**C.** Phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

**D.** Quy hoạch các vùng chuyên canh nông nghiệp.

**Câu 44.** Nhân tố quan trọng nhất để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cây công nghiệp ở nước ta là

**A.** điều kiện tự nhiên thuận lợi.

**B.** thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định.

**C.** người lao động có kinh nghiệm sản xuất.

**D.** mạng lưới các cơ sở chế biến sản phẩm phát triển tốt.

**Câu 45:** Trong sản xuất nông nghiệp ngành chăn nuôi đang từng bước trở thành ngành sản xuất chính là do

**A.** vấn đề lương thực đã được giải quyết tốt.

**B.** chăn nuôi thúc đẩy ngành trồng trọt phát triển.

**C.** ngành chăn nuôi đem lại lợi nhuận cao.

**D.** ý thức của người dân về ngành chăn nuôi thay đổi.

**Câu 46.** Phát biểu nào sau đây **không** phải là nguyên nhân làm cho sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?

**A.** Thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng.

**B.** Áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật trong bảo quản, chế biến sản phẩm.

**C.** Các phương tiện ngày càng được trang bị tốt hơn.

**D.** Môi trường biển đang ngày càng được cải thiện.

**Câu 47.** Khó khăn đối với ngành khai thác thuỷ sản ở một số vùng ven biển là

**A.**nguồn lợi thuỷ sản suy giảm.                **B.**không có phương tiện đánh bắt.

**C.**thiếu lực lượng lao động.                        **D.**không tiêu thụ được sản phẩm.

**Câu 48:** Để phát triển mạnh ngành chăn nuôi gia súc lớn, cơ sở đầu tiên cần chú ý là

**A.** tận dụng các phế phẩm của ngành chế biến lúa gạo.

**B.** sử dụng nhiều thức ăn tổng hợp.

**C.** nắm bắt được nhu cầu thị trường.

**D.** phát triển thêm và cải tạo các đồng cỏ.

**Câu 49:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với cơ cấu kinh tế nước ta?

**A.** Chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**B.** Ngành nông nghiệp đang có tỉ trọng thấp nhất trong cơ cấu.

**C.** Kinh tế Nhà nước đóng vai trò thứ yếu trong nền kinh tế.

**D.** Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.

**Câu 50:** Nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy cây công nghiệp lâu năm ở nước ta trong những năm gần đây phát triển mạnh là

**A.** Nhà nước đã bao tiêu toàn bộ sản phẩm từ cây công nghiệp.

**B.** các khâu trồng và chăm sóc cây công nghiệp đều được tự động hóa.

**C.** thị trường được mở rộng, công nghiệp chế biến dần hoàn thiện.

**D.** sản phẩm không bị cạnh tranh trên thị trường thế giới.

**Câu 51:** Kết quả nào sau đây là lớn nhất của quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế ở nước ta?

**A.** Hình thành các vùng chuyên canh và khu công nghiệp.

**B.** Hình thành các vùng động lực và khu công nghệ cao.

**C.** Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, hình thành các khu chế xuất.

**D.** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân hóa các vùng sản xuất.

**Câu 52:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho nước ta thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài?

**A.** Vị trí thuận lợi, xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa.

**B.** Có lợi thế về tài nguyên, lao động, chính sách phát triển.

**C.** Cơ sở hạ tầng được cải thiện, an ninh chính trị ổn định.

**D.** Chính sách phát triển, cơ sở vật chất kĩ thuật cải thiện.

**Câu 53:** Nhân tố nào sau đây là chủ yếu nhằm đảm bảo cho sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế nước ta hiện nay?

**A.** Xác định cơ cấu kinh tế hợp lí, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

**B.** Giảm tỉ trọng khu vực nông - lâm - ngư nghiệp, tăng công nghiệp - xây dựng.

**C.** Chuyển dịch cơ cấu ngành sản xuất, tiến hành đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm.

**D.** Hình thành các vùng động lực phát triển và các vùng trọng điểm về kinh tế.

**Câu 54:** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến khu vực công nghiệp - xây dựng có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong cơ cấu nền kinh tế ở nước ta là

**A.** áp dụng những thành tựu khoa học, kĩ thuật trong việc sản xuất.

**B.** phù hợp với sự chuyển dịch kinh tế của các nước trong khu vực.

**C.** nước ta nguồn lao động dồi dào và giàu tài nguyên thiên nhiên.

**D.** đường lối chính sách, phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 - 7 và 9, cho biết nhận xét nào sau đây**không**đúng với chế độ mưa nước ta?

**A.**Từ tháng XI đến tháng IV, nơi mưa nhiều nhất là Ngọc Linh.

**B.**Phan Rang là một trong những nơi mưa ít nhất nước ta.

**C.**Bạch Mã, Ngọc Linh là những nơi mưa nhiều nhất nước ta.

**D.**Từ tháng V đến tháng X, nơi mưa nhiều nhất là Lạng Sơn.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Thương thuộc hệ thống sông nào sau đây?

**A.** Sông Thái Bình.                **B.** Sông Hồng.                **C.** Sông Mã.        **D.** Sông Kì Cùng - Bằng Giang.

**Câu 57.** Cho biểu đồ:



**Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta, giai đoạn 2000 - 2014**

(*Nguồn: Niên giám thống kê 2015. NXB Thống kê 2016)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ trọng của các ngành trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta, giai đoạn 2000 - 2014?

**A.** Trồng trọt giảm tỉ trọng, chăn nuôi tăng tỉ trọng.

**B.** Trồng trọt chiếm tỉ trọng cao nhất, chăn nuôi cao thứ hai.

**C.** Dịch vụ nông nghiệp có tỉ trọng thấp hơn chăn nuôi.

**D.** Chăn nuôi giảm tỉ trọng, dịch vụ nông nghiệp tăng tỉ trọng.

**Câu 58:** Cho bảng số liệu:

**Dân số và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta, giai đoạn 1989 - 2019**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1989** | **1999** | **2009** | **2014** | **2019** |
| Dân số *(triệu người)*  | 64,4 | 76,3 | 86,0 | 90,7 | 96,7 |
| Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên *(%)* | 2,1 | 1,51 | 1,06 | 1,08 | 0,9 |

(*Nguồn: Niên giám thống kê 2019. NXB Thống kê 2020)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện dân số và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giai đoạn 1989 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp.         **B.** Đường.         **C.** Tròn.         **D.** Miền.

**Câu 59:** Cho biểu đồ:



**Nhiệt độ và lượng mưa trung bình các tháng của Lai Châu**

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về nhiệt độ, lượng mưa của Lai Châu?

**A.** Mưa tập trung từ tháng IV đến tháng XII, biên độ nhiệt trung bình năm là 9,90**C.**

**B.** Tháng 1 có lượng mưa và nhiệt độ thấp nhất trong năm.

**C.** Biên độ nhiệt độ trung bình năm là 11,50C, mưa nhiều từ tháng V đến tháng X.

**D.** Tháng VII có lượng mưa và nhiệt độ cao nhất trong năm.

**Câu 60:**Cho biểu đồ:



**Tổng số lao động và năng suất lao động xã hội nước ta, giai đoạn 2005 - 2018**

(*Nguồn: Niên giám thống kê 2018. NXB Thống kê 2019)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tổng số lao động và năng suất lao động của nước ta, giai đoạn 2005 - 2018?

**A.** Năng suất lao động tăng, tổng số lao động giảm.

**B.** Tổng số lao động tăng nhanh hơn năng suất lao động.

**C.** Tổng số lao động đã tăng thêm 11474,5 nghìn người.

**D.** Năng suất lao động giảm, tổng số lao động tăng.

**Câu 61**. Cho biểu đồ**:**



(*Nguồn: Niên giám thống kê 2015. NXB Thống kê 2016)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Quy mô và cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta năm 1999 và năm 2014.

**B.** Quy mô và cơ cấu dân số theo giới tính của nước ta năm 1999 và năm 2014.

**C.** Quy mô và cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa của nước ta năm 1999 và năm 2014.

**D.** Quy mô và cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của nước ta năm 1999 và năm 2014.

**Câu 62.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích và sản lượng chè của nước ta, giai đoạn 2010 - 2019**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2015** | **2019** |
| Diện tích *(nghìn ha)* | 129,9 | 132,6 | 133,6 | 123,1 |
| Sản lượng *(nghìn tấn)* | 834,6 | 981,9 | 1012,9 | 1021,2 |

                                                (*Nguồn: Niên giám thống kê 2019. NXB Thống kê 2020)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích, sản lượng và năng suất chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp.                **B.** Cột.                        **C.** Đường.                **D.** Miền.

**Câu 63:** Cho bảng số liệu:

**Diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây của nước ta, giai đoạn 1990 - 2014**

*(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1990** | **2000** | **2010** | **2014** |
| Tổng số | 9040,0 | 12644,3 | 14061,1 | 14804,1 |
| Cây lương thực | 6474,6 | 8399,1 | 8615,9 | 8992,3 |
| Cây công nghiệp | 1199,3 | 2229,4 | 2808,1 | 2844,6 |
| Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác | 1366,1 | 2015,8 | 2637,1 | 2967,2 |

                                (*Nguồn: Niên giám thống kê 2015. NXB Thống kê 2016)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây là **không** đúng về diện tích gieo trồng các nhóm cây ở nước ta, giai đoạn 1990 - 2014?

**A.** Tỉ trọng diện tích gieo trồng nhóm cây lương thực luôn cao nhất và giảm liên tục.

**B.** Diện tích gieo trồng nhóm cây công nghiệp có tốc độ tăng nhanh nhất và tăng liên tục.

**C.** Diện tích gieo trồng nhóm cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác tăng nhiều nhất.

**D.** Diện tích gieo trồng các nhóm cây có tốc độ tăng trưởng khác nhau.

**Câu 64**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với tài nguyên đất của nước ta?

**A.** Đất feralit trên đá vôi tập trung chủ yếu ở miền Nam.

**B.** Đất feralit trên đá badan có diện tích nhỏ hơn đất feralit trên đá vôi.

**C.** Đất feralit trên đá badan tập trung chủ yếu ở miền Bắc.

**D.** Diện tích nhóm đất feralit lớn hơn nhiều diện tích nhóm đất phù sa.

**Câu 65**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết nhận xét nào sau đây **không**đúng về sự biến động diện tích rừng nước ta năm 2007 so với năm 2000?

**A.** Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh hơn diện tích rừng trồng.

**B.** Diện tích rừng trồng tăng nhanh hơn diện tích rừng tự nhiên.

**C.** Diện tích rừng trồng tăng 1,73 lần, diện tích rừng tự nhiên tăng 1,08 lần.

**D.** Diện tích rừng trồng tăng 1080,0 nghìn ha, diện tích rừng tự nhiên tăng 744,0 nghìn ha.

**Câu 66**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết tỉ lệ dân thành thị nước ta năm 2000 và năm 2007 lần lượt là

**A.** 24.18% và 27,40 %.                                 **B.**  27,40% và 24,18%.

**C.** 24,81% và 27,40%.                        **D.** 27,40% và 24,81%.

**Câu 67:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết hai trạm khí hậu Hà Nội và Thanh Hóa khác nhau ở đặc điểm nào sau đây?

**A.** thời gian mùa mưa.                        **B.** nhiệt độ trung bình năm trên 200**C.**

**C.** biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.        **D.** tháng mưa lớn nhất.

**Câu 68:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, nhận xét nào sau đây **không** đúng về ngành chăn nuôi nước ta?

**A.** Tỉ trọng chăn nuôi gia súc luôn cao nhất và liên tục tăng.

**B.** Lợn và gia cầm được nuôi nhiều ở Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Tỉ trọng chăn nuôi cao nhất trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp.

**D.** Hai tỉnh nuôi nhiều bò nhất là Thanh Hóa và Nghệ An.

**Câu 69:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết ở các đảo, quần đảo nước ta có những vườn quốc gia nào sau đây?

**A.** Bái Tử Long, Cát Bà, Xuân Thủy, Núi Chúa.

**B.** Bái Tử Long, Cát Bà, Xuân Thủy, Côn Đảo.

**C.** Bái Tử Long, Cát Bà, Núi Chúa, Côn Đảo.

**D.** Bái Tử Long, Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc.

**Câu 70.**Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết lát cắt A-B từ sơn nguyên Đồng Văn đến sông Thái Bình **không** có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Có 6 thang bậc địa hình theo độ cao.        **B.** Sơn nguyên Đồng Văn ở độ cao trên 1000m.

**C.** Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.        **D.** Chiều dài thực tế của lát cắt là 600km.

**Câu 71:** Nguyên nhân nào làm cho chất lượng nguồn lao động nước ta có nhiều hạn chế?

**A.** Nguồn lao động chưa thật cần cù, chịu khó.

**B.** Tính sáng tạo của người lao động chưa thật cao.

**C.** Công tác đào tạo lao động chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội.

**D.** Người lao động phần lớn còn thiếu kinh nghiệm.

**Câu 72:** Đô thị ở nước ta là thị trường tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu do

**A.** dân cư tập trung đông, chất lượng sống cao.

**B.** mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.

**C.** dịch vụ đa dạng, việc kinh doanh phát triển.

**D.** cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi.

**Câu 73:** Dân số nước ta tập trung phần lớn ở nông thôn, chủ yếu là do

**A.** đô thị chưa tạo ra sức hút lao động.        **B.** địa hình khá bằng phẳng, giáp biển.

**C.** trình độ phát triển kinh tế còn thấp.        **D.** sản xuất lúa gạo cần nhiều lao động.

**Câu 74:** Phương hướng trước tiên làm cho lực lượng lao động trẻ ở nước ta sớm trở thành nguồn lao động có chất lượng là

**A.** tổ chức hướng nghiệp thật chu đáo.        **B.** lập nhiều cơ sở giới thiệu việc làm.

**C.** tổ chức giáo dục, đào tạo thật hợp lí.        **D.** mở rộng các ngành, nghề thủ công.

**Câu 75.** Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất góp phần giảm tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm ở nông thôn nước ta?

**A.** Mở rộng giới thiệu việc làm.                **B.** Mở rộng mạng lưới đào tạo nghề.

**C.** Đa dạng hóa kinh tế nông thôn.                **D.** Phát triển các ngành công nghiệp.

**Câu 76:** Dân cư nuớc ta phân bố chưa hợp lí chủ yếu do tác động của

**A.** sự phát triển kinh tế, các nhân tố tự nhiên.

**B.** quá trình định cư, trình độ dân trí, số dân.

**C.** vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, tài nguyên.

**D.** các nhân tố về xã hội, cơ cấu nền kinh tế.

**Câu 77:** Phát biểu nào sau đây **không** đúngvới đặc điểm dân cư nước ta?

**A.** Gia tăng dân số giảm, dân số vẫn còn tăng.

**B.** Dân số đông, có nhiều thành phần dân tộc.

**C.** Cơ cấu nhóm tuổi có sự biến đổi theo hướng già hóa.

**D.** Dân cư phân bố đều giữa thành thị và nông thôn.

**Câu 78:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho Đông Nam Bộ là vùng có số dân đô thị cao nhất nước ta?

**A.** Có dân số đông nhất cả nước.                **B.** Có kinh tế phát triển nhất cả nước.

**C.** Số lượng đô thị nhiều nhất cả nước.        **D.** Tỉ lệ gia tăng dân số tăng cao nhất cả nước.

**Câu 79.** Dân số nước ta năm 2016 là 92695,1 nghìn người. Giả sử tốc độ gia tăng dân số là 0,92% và không đổi thì dân số nước ta năm 2020 là

**A.** 93547,9 nghìn người.                        **B.** 96106,3 nghìn người.

**C.** 96153,6 nghìn người.                        **D.** 101223,0 nghìn người.

**Câu 80.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho dân số thành thị ở nước ta ngày càng tăng?

**A.** Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.        **B.** Phân bố lại dân cư giữa các vùng.

**C.** Ngành nông - lâm - ngư phát triển.        **D.** Đời sống dân thành thị ngày càng cao.